

Bản án số: 07/2018/DS-ST.
Ngày: 30/01/2018.
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Nam Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Minh Hiền.

2/ Bà Vũ Thị Tứ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Hằng Nga – cán bộ Tòa án nhân dân Quận 2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2016/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2016, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2017/QĐST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2017/QĐST-DS ngày 15/01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phan Thị Mỹ H, sinh năm 1988 là đại diện theo uỷ quyền (Theo Giấy uỷ quyền số 04/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 23/3/2017 của Ngân hàng TMCP V). (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ: phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (Số mới: phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V có bà Phan Thị Mỹ H là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 28/11/2013 bà Nguyễn Thị T có ký hợp đồng tín dụng số 20131210-500000-0175 với Ngân hàng TMCP V vay số tiền 29.400.000 đồng (hai mươi chính triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn) với lãi suất thỏa thuận 3,75 %/tháng để

tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán số tiền 45,091,000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng, 23 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.880.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.851.000 đồng. Thanh toán vào ngày 13 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 13/01/2014.

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng được 05 lần với tổng số tiền đã trả là 9.400.000 đồng. Kể từ ngày 15/05/2014 bà Nguyễn Thị T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho tới nay dù Ngân hàng đã nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Tính đến ngày 01/6/2016, bà Nguyễn Thị T còn nợ số tiền 35.691.000 đồng (trong đó số tiền nợ gốc còn lại là 25.209.800 đồng, tiền nợ lãi là 10.481.200 đồng).

Do khách hàng chậm trễ thanh toán nên Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T thanh lý hợp đồng trả cho Ngân hàng một lần số tiền nợ ngay khi bản án quyết định của Tòa có hiệu lực là: 35.691.000 đồng (trong đó số tiền nợ gốc còn lại là 25.209.800 đồng, tiền nợ lãi là 10.481.200 đồng). Ngân hàng không tiếp tục tính lãi phát sinh từ số nợ gốc kể từ ngày 01/6/2016 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, đồng thời không yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải thanh toán khoản phí thanh toán sớm là 705.887 đồng và phí phạt do trễ hạn thanh toán là 15.017.738 đồng.

* Tại phiên tòa:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Phan Thị Mỹ H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đương sự vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa.

Chủ tọa phiên tòa đã công khai các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên – Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Vụ án đã được Tòa án nhân dân Quận 2 thụ lý và Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Thẩm phán cần rút kinh nghiệm trong việc tuân thủ theo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung yêu cầu của đương sự: đề nghị Tòa án nhân dân Quận 2 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận giữa các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện thì bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh có ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn Ngân hàng TMCP V vay tiền mục đích tiêu dùng cá nhân nên đây là quan hệ tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự 2005.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: đây là Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn hiện đang cư trú tại Quận 2 nên căn cứ khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[3] Về tố tụng:

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng cho các đương sự đầy đủ và theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa sơ thẩm thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Xét phạm vi giải quyết của vụ án: Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn trong vụ án nên Hội đồng xét xử chỉ giải quyết trong phạm vi các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn đã được tiếp cận các chứng cứ, bị đơn đã được tổng đạt niêm yết biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không ai có yêu cầu, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai là đảm bảo nguyên tắc cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh trong vụ án dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 91, 91, Điều 95, 96 và Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho Ngân hàng một lần số tiền nợ ngay khi bản án quyết định của Tòa có hiệu lực là: 35.691.000 đồng (trong đó số tiền nợ gốc

còn lại là 25.209.800 đồng, tiền nợ lãi là 10.481.200 đồng). Ngân hàng không tiếp tục tính lãi phát sinh từ số nợ gốc kể từ ngày 01/6/2016 theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, đồng thời không yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải thanh toán khoản phí thanh toán sớm là 705.887 đồng và phí phạt do trễ hạn thanh toán là 15.017.738 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tín dụng số 20131210-500000-0175 ngày 28/11/2013 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Thị T xuất phát từ sự tự nguyện, không trái pháp luật nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bị đơn bà T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ nên Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền 35.691.000 đồng (trong đó số tiền nợ gốc còn lại là 25.209.800 đồng, tiền nợ lãi là 10.481.200 đồng) một lần ngay khi bản án quyết định của Tòa có hiệu lực là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP V không tiếp tục tính lãi phát sinh từ số nợ gốc kể từ ngày 01/6/2016 theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, đồng thời không yêu cầu bà T phải thanh toán khoản phí thanh toán sớm là 705.887 đồng và phí phạt do trễ hạn thanh toán là 15.017.738 đồng.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên – Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2:

Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.784.550 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 21 khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 92; Điều 95, 96; Điều 210; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ Điều 2; Điều 6, 7; Điều 9; Điều 26; Điều 30; Điều 35; Điều 53 và Điều 105 của Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V:

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP V số tiền là 35.691.000 đồng (trong đó nợ gốc là 25.209.800 đồng, nợ lãi là 10.481.200

đồng) một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP V không tiếp tục tính lãi phát sinh từ số nợ gốc kể từ ngày 01/6/2016 theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, đồng thời không yêu cầu bà T phải thanh toán khoản phí thanh toán sớm là 705.887 đồng và phí phạt do trễ hạn thanh toán là 15.017.738 đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP V có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị T chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng bà T còn phải trả lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chưa thi hành tại thời điểm trả nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: là 1.784.550 đồng bà Nguyễn Thị T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.285.366 đồng theo biên lai số 04249 ngày 16/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Thời hạn kháng cáo bản án của các đương sự là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

- Thời hạn kháng nghị bản án của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là 15 ngày, của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Lưu VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Nam Phương